| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY NAM**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 100/2024/HN- ST
Ngày 30/7/2024
V/v: "Xin L hôn "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Nam

Bà Mai Thị Nhặc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **30** tháng **7** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163 /2024/TLST-HN ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*xin L hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sô: 304A/2024/QĐST-HN ngày 27/6/2024 và quyết định hoãn phiên toà số 324A/2024/QĐST-HN ngày 08/7/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị Trúc L, sinh 1984 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

*Trú tại*: Ấp Phú Lộc Hạ 1, xã An Đ, huyện Mỏ cày N, tỉnh Bến Tre

**** Bị đơn*:** Nguyễn Hoàng C, sinh 1980 (vắng mặt không lý do)

*ĐKTT*: Ấp Phú Lộc Hạ 1, xã An Đ, huyện Mỏ cày N, tỉnh Bến Tre

*Chỗ ở hiện nay:* Ấp Phú T, xã Bình Kh, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày:*

Vào năm 2003 tôi và anh C đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay tôi xin L hôn với anh C.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Mai, sinh năm 2001, con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Hoàng C vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy*:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị L cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn L hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị L có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị L là tranh chấp về việc L hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Anh C đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị L, anh C kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống L thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị L vẫn giữ nguyên quan điểm L hôn, còn anh C đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh C không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị L. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị L là phù hợp.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L. Chị Nguyễn Thị Trúc L được L hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

*Án phí:* Chị L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005311 ngày 12/4/2024 là đủ

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận***:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã An Định (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**